

*

BẢNG ĐIỂM

Lớp Bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính khóa 17
Thời gian học: từ ngày 21/5/2022 đến ngày 18/7/2022

STT	Họ và tên	Điểm				Xếp loại	Ghi chú
		Phần I+II	Phần III	T.lượn	Điểm TB		
1	Nông Thị Vân Anh	7,50	5,40	7,75	7,10	Khá	
2	Nông Thị Bích	7,50	6,80	8,00	7,58	Khá	
3	Hà Thị Biếc	7,00	5,40	7,50	6,85	Trung bình	
4	Nông Thị Biên	8,00	8,00	8,00	8,00	Khá	
5	Bé Xuân Bồi	7,00	6,80	8,00	7,45	Khá	
6	Triệu Thu Dị	7,75	7,40	8,00	7,79	Khá	
7	Hà Văn Dũng	8,00	7,20	7,75	7,68	Khá	
8	Lã Tiến Dũng	7,50	8,60	8,00	8,03	Khá	
9	Vũ Anh Dũng	8,00	8,00	8,00	8,00	Khá	
10	Đàm Thị Đào	7,75	6,40	8,00	7,54	Khá	
11	Lưu Sỹ Đôn	8,00	5,40	7,50	7,10	Khá	
12	Nguyễn Quang Đức	6,75	5,80	7,75	7,01	Khá	
13	Đàm Thanh Giang	6,75	5,60	7,50	6,84	Trung bình	
14	Đinh Thị Thảo Hằng	7,50	6,80	7,75	7,45	Khá	
15	Dương Thị Hảo	7,75	5,80	8,00	7,39	Khá	
16	Đoàn Thị Hòa	8,00	5,80	8,00	7,45	Khá	
17	Hoàng Thị Hòa	7,75	6,60	8,00	7,59	Khá	
18	Hoàng Thu Hoài	8,00	8,60	8,00	8,15	Khá	
19	Phạm Cao Hoài	7,00	5,00	8,00	7,00	Khá	
20	Trần Quốc Hoạt	7,25	5,60	8,00	7,21	Khá	
21	Nguyễn Thị Hồng	8,00	6,80	7,75	7,58	Khá	
22	Nguyễn Văn Huân	7,75	7,60	8,00	7,84	Khá	
23	Bàn Xuân Hùng	7,50	6,40	7,25	7,10	Khá	
24	Đàm Mạnh Hùng	7,50	5,60	7,25	6,90	Trung bình	
25	Nông Văn Hùng	6,75	6,00	7,75	7,06	Khá	
26	Triệu Duy Hưng	7,50	5,60	8,00	7,28	Khá	
27	Đường Thị Hương	6,75	5,60	8,00	7,09	Khá	

DHL

STT	Họ và tên	Điểm				Xếp loại	Ghi chú
		Phần I+II	Phần III	T.luyện	Điểm TB		
28	Lý Thị Minh Hương	6,75	5,40	7,75	6,91	Trung bình	
29	Nông Thị Lan Hương	7,50	5,00	8,00	7,13	Khá	
30	Nông Văn Hữu	7,00	5,80	8,00	7,20	Khá	
31	Lê Nguyễn Minh Khánh	7,50	5,80	7,50	7,08	Khá	
32	Ma Văn Khánh	7,50	5,50	7,50	7,00	Khá	
33	Nguyễn Nam Khánh	7,00	7,00	8,00	7,50	Khá	
34	Hà Văn Khoa	7,00	6,00	7,75	7,13	Khá	
35	Lê Thị Lá	8,00	5,60	7,75	7,28	Khá	
36	Nguyễn Thị Ngọc Lan	8,00	6,00	7,50	7,25	Khá	
37	Tạ Thị Mai Lan	7,75	6,60	8,00	7,59	Khá	
38	Hoàng Thị Lê	8,00	5,00	8,00	7,25	Khá	
39	Nguyễn Thị Linh	8,00	6,00	7,75	7,38	Khá	
40	Nguyễn Thị Cẩm Ly	7,75	5,40	7,75	7,16	Khá	
41	Dương Thị Mai	7,75	5,80	8,00	7,39	Khá	
42	Sái Văn Mạnh	7,75	9,00	7,50	7,94	Khá	
43	Hà Thị Mơ	8,00	5,00	7,75	7,13	Khá	
44	Bùi Thị Hồng Ngọc	8,00	7,20	8,00	7,80	Khá	
45	Vương Minh Nguyễn	7,50	5,00	8,00	7,13	Khá	
46	Trương Thị Nha	7,25	5,00	8,25	7,19	Khá	
47	Nông Đức Nhật	7,50	5,00	8,00	7,13	Khá	
48	Phạm Thị Nhung	7,50	6,60	7,75	7,40	Khá	
49	Nguyễn Hồng Nụ	6,75	8,00	7,75	7,56	Khá	
50	Bàn Đức Phú	7,75	6,40	7,75	7,41	Khá	
51	Chu Thị Phương	7,75	5,80	7,25	7,01	Khá	
52	Hoàng Minh Phương	7,50	6,40	7,50	7,23	Khá	
53	Nông Thanh Phương	7,00	5,00	8,00	7,00	Khá	
54	Triệu Thị Phương	7,75	7,20	8,00	7,74	Khá	
55	Lãnh Thị Ngọc Quyên	7,50	5,60	7,75	7,15	Khá	
56	Đặng Minh Sơn	7,00	5,00	7,75	6,88	Trung bình	
57	Hoàng Thị Tâm	7,75	7,00	8,00	7,69	Khá	
58	Lương Thị Thắm	7,75	5,00	7,75	7,06	Khá	
59	Phạm Thanh Thắng	8,00	5,80	7,75	7,33	Khá	
60	Đoàn Thị Thanh	8,00	9,20	7,75	8,18	Khá	

Dhb

STT	Họ và tên	Điểm				Xếp loại	Ghi chú
		Phần I+II	Phần III	T.lượn	Điểm TB		
61	Đặng Thị Kim Thoa	8,00	5,80	7,75	7,33	Khá	
62	Sâm Thị Thom	8,00	9,60	8,25	8,53	Khá	
63	Nguyễn Văn Thủ	6,75	5,80	7,75	7,01	Khá	
64	Thắm Thị Thủy	7,00	6,80	8,00	7,45	Khá	
65	Nông Thế Thuyết	7,75	6,40	7,50	7,29	Khá	
66	Lã Thị Trang	7,75	6,40	7,25	7,16	Khá	
67	Nông Văn Trường	6,75	6,20	7,75	7,11	Khá	
68	Đình Quốc Trường	7,50	7,20	8,00	7,68	Khá	
69	Sạch Hữu Tuấn	7,50	7,00	7,25	7,25	Khá	
70	Nông Thanh Tuấn	7,75	6,80	7,50	7,39	Khá	
71	Hoàng Văn Tuy	8,00	5,60	7,25	7,03	Khá	
72	Nông Quang Vinh	7,75	5,60	8,00	7,34	Khá	
73	Nông Thế Vinh	7,50	5,00	8,00	7,13	Khá	
74	Nông Thị Yên	8,00	6,40	8,00	7,60	Khá	

Danh sách ấn định: 74 học viên; 74 học viên được xếp loại.

Tổng hợp xếp loại:

Khá: Điểm trung bình khóa học từ 7,00 đến dưới 9,00 điểm: 69 học viên, 93,24%.

Trung bình: Điểm trung bình khóa học từ 5,00 đến dưới 7,00 điểm: 05 học viên, 6,76%.

GHI ĐIỂM

D.H.Lien

Đoàn Thị Kim Liên

**PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

Vankhuy

Đoàn Thị Vân Thúy

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Thị Ánh Hoa